

Số: 78 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 01/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 54-KL/TW ngày 01/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 01/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

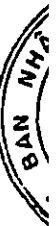
- Cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm tại Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị có liên quan và các địa phương tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo từng lĩnh vực góp phần phát triển kinh tế- xã hội gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 7 khóa X; Kết luận số 54-KL/TW ngày 01/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, nâng cao trình độ sản xuất của nông dân đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, hiện đại theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội phù hợp; bảo đảm điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao ở nông thôn; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn chặt phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ nông thôn theo quy hoạch. Kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo vệ môi trường



sinh thái, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025, định hướng đến 2030

a). Đến năm 2025, cơ bản đạt các tiêu chí về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,5- 8%/năm, trong đó: Khu vực nông- lâm- thủy sản đạt 3- 3,5%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2025 khu vực nông- lâm- thủy sản chiếm 35- 36%.

- Phát triển nông nghiệp kết hợp đi đôi với phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp 2,5 lần so với năm 2020.

- Lao động nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3%.

- Có 85% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới và 7- 9 huyện đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; hoàn thành 100% chỉ tiêu về giao thông đạt tiêu chuẩn nông thôn mới với qui mô đường loại B, tải trọng cầu tối thiểu 5T tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản; đảm bảo điện sản xuất và sinh hoạt cho dân cư, các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

- Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi cho toàn bộ diện tích đất lúa 02 vụ, nuôi trồng thủy sản. Chủ động phòng tránh bão, lũ, thiên tai, ngăn mặn và nước biển dâng.

- Ngăn chặn, xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường; bảo đảm cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao cho cư dân vùng nông thôn.

b). Đến năm 2030.

Tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8- 9%/năm, trong đó: Khu vực nông- lâm- thủy sản đạt 3- 3,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 8.100- 9.300USD theo giá hiện hành (bằng mức trung bình của vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long). Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 khu vực nông- lâm- thủy sản chiếm 23- 24%.

- Chuyển dịch lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, đến năm 2030 lao động nông nghiệp còn dưới 40% lao động xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 2%; bộ mặt nông thôn được đổi mới, đến năm 2030 cơ bản hoàn thành 100% xã nông thôn mới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Kết luận số 97-KL/TW và Kết luận số 54-KL/TW

a). Các sở, ngành và cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và Kết luận số 97-KL/TW, Kết luận số 54-KL/TW. Trên cơ sở kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X của tỉnh nghiêm túc đánh giá những mặt tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm

rút ra, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch và giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020 và năm 2025 của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X.

b). Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và mọi người dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Việc thực hiện Nghị quyết là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hình thức thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội phù hợp với từng đối tượng; nội dung tuyên truyền phải phong phú, cập nhật những chủ trương, chính sách mới của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phổ biến, nhân rộng những cách làm hay, mô hình tốt, những điển hình tiên tiến, những gương người tốt, việc tốt trong phát triển nông nghiệp và phong trào xây dựng nông thôn mới để vận động Nhân dân tự giác thực hiện và tham gia. Đẩy mạnh triển khai các phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X.

2. Thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững (theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp- nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 16/02/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững).

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao giá trị gia tăng từng sản phẩm, ngành hàng. Chú trọng xây dựng và phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao, có thị trường tiêu thụ; ưu tiên hỗ trợ phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực (sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; sản phẩm đặc sản địa phương theo mô hình “Mỗi xã một sản phẩm”), lồng ghép vào các quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, các vùng và từng địa phương. Cơ cấu lại sản xuất theo vùng nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm; giải quyết xử lý chất thải trong quá trình sản xuất để bảo vệ môi trường sống của người dân nông thôn.

- Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành thủy sản, đảm bảo cơ cấu phù hợp ổn định giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; giảm áp lực khai thác

ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản và chủ quyền lãnh thổ. Phát triển bền vững các vùng sản xuất nông thủy sản quy mô tập trung sản xuất theo chuỗi giá trị của từng loại sản phẩm, từng bước tiến hành tiêu chuẩn hóa hệ thống nuôi trồng gắn với truy suất nguồn gốc, từng bước đưa sản phẩm nông nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Rà soát diện tích nuôi trồng thủy sản, khuyến khích nuôi công nghiệp trên cả diện rộng và quy mô nhỏ, áp dụng thâm canh, công nghệ cao, thực hành nuôi tốt (GAP) theo quy chuẩn.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến, kết nối với thị trường tiêu thụ; kết nối với mạng lưới tiêu thụ toàn cầu; nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam, cả thị trường nội địa và quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp để tạo ra thực phẩm sạch, thực phẩm an toàn; các mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ kinh tế hộ với doanh nghiệp, với thị trường. Tạo môi trường thuận lợi để hình thành và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp nông thôn, nhất là trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động tại chỗ, các doanh nghiệp dịch vụ vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản. Quy hoạch và đầu tư xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao để xây dựng các mô hình trình diễn, thực hiện các đề tài nghiên cứu, thu hút các nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư chuyên giao tiến bộ khoa học- kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển mạnh các hình thức hợp tác, liên kết giữa hộ gia đình với các tổ chức tín dụng, tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp. Xây dựng, tổng kết, nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm, thủy sản có hiệu quả.

3. Thực hiện xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn.

a). Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn các xã, phấn đấu đến năm 2025 có 85% (100/117 xã) cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có ít nhất 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có khoảng 7- 9 huyện đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch là 65%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 11%.

b). Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, chuyên đề cho từng tiêu chí. Thực hiện phân công trách nhiệm cho các sở, ngành có liên quan trực tiếp chỉ đạo các tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý; các sở ngành, địa phương tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cấp xã, khu dân cư trực tiếp gắn với chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp,

110.1. V. 2. 2017 / 11

thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân.

c). Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thu nhập của người dân nông thôn; phát huy dân chủ của nông dân. Ưu tiên phát triển y tế, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách an sinh xã hội ở khu vực nông thôn. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân khu vực nông thôn theo hướng bền vững. Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường, quốc phòng và an ninh được giữ vững.

d). Thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách giảm nghèo; hướng dẫn lồng ghép các nguồn lực triển khai xây dựng mô hình phát triển sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh tế và nhân rộng mô hình. Giai đoạn 2020 - 2025 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 3%.

đ). Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp

a). Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện chủ trương về tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước khác. Rà soát hiện trạng sử dụng đất rừng, kiên quyết thu hồi diện tích đất sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả.

b). Tập trung chỉ đạo phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp. Tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, ưu tiên phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn nông thôn. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, trong đó nòng cốt là hợp tác xã; phát triển các hình thức kinh tế hợp tác phù hợp đối với từng lĩnh vực: Thủy lợi, trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp... Xây dựng, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và hoạt động của các HTX và tổ hợp tác, trang trại trong việc cung cấp dịch vụ nông nghiệp đầu vào, chế biến, tiêu thụ nông sản và tiếp cận thị trường.

c). Thực hiện đổi mới và nhân rộng các mô hình liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, phù hợp với từng ngành hàng, lĩnh vực; các vùng, địa phương có điều kiện sản xuất tương đồng, liên kết với nhau về sản xuất giống, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực... đẩy mạnh liên kết sản xuất các ngành hàng có lợi thế cạnh tranh tạo khối lượng hàng hóa lớn gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể. Khuyến khích thúc đẩy các hình thức liên kết trong sản xuất: liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác (HTX, trang trại...) trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm để thúc đẩy sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Tăng cường sự tham gia của Hội Nông dân, thành lập các Hiệp hội ngành hàng để hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong sản xuất, kinh doanh.

d). Có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy kinh tế hộ, kinh tế

KIẾN

trang trại, gia trại phát triển. Khuyến khích, hỗ trợ kinh tế hộ nông dân hình thành các doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ, chủ động gắn kết với sản xuất của hộ nông dân, đầu tư phát triển sản xuất hình thành các chuỗi giá trị hoặc liên kết một số khâu tiến tới doanh nghiệp hóa sản phẩm.

đ). Đẩy mạnh khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế trang trại theo quy mô phù hợp.

5. Tiếp tục đầu tư phát triển nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Hoàn thiện và đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng về thủy lợi, giao thông, cấp điện, cấp nước đảm bảo kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ phục vụ cho việc phát triển sản xuất ở nông thôn được thuận lợi.

- Hoàn thiện các quy hoạch và các dự án đầu tư các vùng sản xuất cây con tập trung như: Vùng sản xuất lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, vùng sản xuất lúa- màu, vùng sản xuất lúa- tôm, vùng chuyên canh cây ăn quả, vùng sản xuất rau, các vùng sản xuất mía nguyên liệu tập trung, vùng nuôi tôm công nghiệp và đặc biệt vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung.

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng các vùng sản xuất cây, con tập trung, bao gồm: Hệ thống thủy lợi, trạm bơm điện phục vụ tưới tiêu, hệ thống điện, hệ thống giao thông phục vụ máy móc cơ giới lưu thông và vận chuyển sản phẩm.

- Đầu tư hệ thống kho chứa, lò sấy, cơ sở chế biến công nghiệp hiện đại gắn với vùng sản xuất cây, con tập trung.

- Lồng ghép các chương trình trong tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; nhất là tăng cường đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo lộ trình đã xác định trong phần định hướng xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư hạ tầng vào các địa phương dự kiến sẽ hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trước, sau đó mới đến các địa phương khác, tránh đầu tư dàn trải, gây lãng phí trong khi nguồn lực bị hạn chế.

- Định hướng phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng từng vùng, nhằm khắc phục tình trạng thiếu nước ngọt, hoàn chỉnh hệ thống công đập, cải tạo hệ thống trạm bơm điện kết hợp với kiên cố hóa kênh mương nội đồng bảo đảm phục vụ sản xuất và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nâng cấp các tuyến đê bao, kè chống sạt lở ven biển Tây bảo vệ dân cư trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế-xã hội theo từng vùng, gồm: Tứ giác Long xuyên, Tây sông Hậu, U Minh Thượng và tiểu vùng hải đảo nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo vệ nguồn nước ngọt; hạn chế các tác hại do nước gây ra, nhất là lũ lụt, xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0, chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao trong phát triển sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 thành

nhóm nhiệm vụ tập trung, dưới hình thức Chương trình khoa học và công nghệ có định hướng mục tiêu, tiêu chí riêng.

- Các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong Chương trình phải có các nhiệm vụ phục vụ chuyển giao, nhân rộng tương ứng; lựa chọn các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp có hiệu quả từ các địa phương khác trong cả nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm nhân rộng tại tỉnh.

- Chuyển dịch cơ cấu loại hình nhiệm vụ theo hướng giảm các nhiệm vụ nghiên cứu và tăng các nhiệm vụ chuyển giao và nhân rộng kết quả nghiên cứu công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại các địa phương trong tỉnh, nhằm đẩy mạnh ứng dụng trên diện rộng công nghệ cao trong nông nghiệp để sản xuất các sản phẩm hàng hoá có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao.

- Lựa chọn, xác định để tập trung đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sử dụng tiết kiệm nước nhằm thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng và các nhiệm vụ phục vụ cho việc hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch của tỉnh.

- Nghiên cứu và ứng dụng ưu thế lai và công nghệ gen để tạo ra các giống cây trồng mới; phục tráng, chọn lọc nhằm đa dạng hóa nguồn giống và lựa chọn được bộ giống cây trồng chính (lúa, dứa, cây ăn quả, rau màu..) phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc thù của tỉnh, nhất là trong tình hình biến đổi khí hậu xảy ra thường xuyên, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Tập trung nghiên cứu lựa chọn các công nghệ sử dụng nước tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp kết hợp với công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp, quy trình công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGAP hoặc GlobalGAP phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của tỉnh; trong đó, triển khai nhân rộng ứng dụng các công nghệ đã được lựa chọn vào thực tiễn sản xuất nhằm đạt hiệu quả, mục tiêu đến năm 2025, toàn tỉnh có 12 khu sản xuất rau an toàn công nghệ cao với tổng diện tích 18.142 ha, địa bàn canh tác rau an toàn ứng dụng công nghệ cao tập trung quanh các đô thị, khu du lịch như thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên, huyện đảo Phú Quốc, huyện Châu Thành.

- Xây dựng một số mô hình ứng dụng quy trình công nghệ, tổng hợp và tự động hoá quá trình chăn nuôi quy mô công nghiệp, chăn nuôi tập trung gắn liền với đồng cỏ, có sử dụng hệ thống chuồng kín, hệ thống điều hòa nhiệt độ, ẩm độ phù hợp, hệ thống phân phối và định lượng thức ăn tại chuồng; phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 02 vùng chăn nuôi bò, nuôi heo công nghệ cao với tổng đàn khoảng 548.000 con (trong đó: 540.000 con heo và 8.000 trâu, bò).

- Ưu tiên tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ đã được Trung ương phân bổ cho tỉnh để triển khai các chương trình, dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

7. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh và có sự chuyển biến tích cực trong công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số ngành nghề đạt chuẩn trình độ quốc tế, quốc gia và các nước phát triển trong khu vực ASEAN; hình thành đội ngũ lao động có tay nghề cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, cải thiện chỉ số PCI cấp tỉnh; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh nâng cao chất lượng và đào tạo nghề ở trình độ cao phù hợp với quá trình hội nhập của nền kinh tế. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động, tập trung đào tạo theo hướng chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực; đào tạo gắn với giải quyết việc làm tại các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch; đào tạo lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa; gắn đào tạo nghề với quá trình sản xuất nông nghiệp của nông dân, với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Lồng ghép có hiệu quả giữa Đề án đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng nguồn vốn và tăng cơ hội cho lao động được đào tạo nghề thích ứng với quá trình phát triển của nền kinh tế.

- Triển khai có hiệu quả Đề án khởi nghiệp đối với học sinh, sinh viên trong tỉnh bằng nhiều hình thức và giải pháp phù hợp, nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên và trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trong thời gian học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, góp phần tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Giai đoạn 2021-2025, tập trung đẩy mạnh nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là lao động có trình độ cao cho 15.000 lao động (bình quân 3.000 lao động/năm), trong đó: Trình độ sơ cấp 3.000 lao động (chiếm 20%) và đào tạo dưới 3 tháng 12.000 lao động (chiếm 80%), góp phần đưa tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo đạt 67% và sau đào tạo tỷ lệ lao động có việc làm mới hoặc việc làm cũ có thu nhập cao hơn đạt trên 80%.

8. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn

- Bảo vệ tốt các loại rừng, môi trường biển, ven biển, các khu bảo tồn hệ sinh thái đặc thù, thích ứng với biến đổi khí hậu; tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường, đồng thời tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường; xây dựng các cơ sở thu gom xử lý rác thải, nước thải ở các khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu cụm công nghiệp tập trung, làng nghề. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khảo sát,

thăm dò và khai thác khoáng sản; bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, hạn chế sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng, theo dõi thường xuyên chất lượng nguồn nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, diễn biến về trữ lượng, chất lượng, sự tụt giảm nước ngầm để có giải pháp xử lý hiệu quả, kịp thời; quản lý chặt chẽ nguồn nước ngầm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế-xã hội, hạ tầng các đô thị ven biển phù hợp với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; đầu tư xây dựng tuyến đê biển Tây, kết hợp với đường giao thông (từ Hà Tiên đến Tiểu Dừa - An Minh) và hệ thống công, đập các cửa sông để ngăn nước biển dâng.

- Tăng cường quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Quan tâm công tác xây dựng quy hoạch và làm tốt công tác quản lý quy hoạch, nhất là, sử dụng đất đai, quy hoạch, bảo vệ rừng, xây dựng, bảo vệ môi trường, bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo trong quá trình tích hợp; lập quy hoạch của tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành, phù hợp, khả thi trong triển khai thực hiện, phục vụ cho sự phát triển của tỉnh. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai, bảo đảm chất lượng môi trường, hạn chế tối đa rác thải nhựa, quan tâm đến quyền lợi, sinh kế của người dân. Đẩy mạnh việc điều tra cơ bản, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất, nước, rừng, biển, khoáng sản và đa dạng sinh học. Sử dụng tài nguyên nước bảo đảm hiệu quả, bền vững trên nguyên tắc của kinh tế thị trường, quản lý tổng hợp nguồn nước, an ninh nguồn nước, đảm bảo nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt.

- Tiếp tục tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường; đưa nội dung bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư; đồng thời phải làm tốt công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải, thoát nước cho các khu cụm công nghiệp, du lịch, đô thị, dân cư tập trung, bệnh viện, cơ sở chế biến, khai thác tài nguyên...; có biện pháp ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Bảo vệ nghiêm ngặt các loại rừng, môi trường biển và ven biển, các khu bảo tồn hệ sinh thái đặc thù; khắc phục ô nhiễm, cải thiện vệ sinh môi trường tại các khu, điểm du lịch, khu vực khai thác khoáng sản và nuôi trồng thủy sản. Triển khai thực hiện chương trình hành động để thích ứng với biến đổi khí hậu; tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, kết cấu hạ tầng các đô thị ven biển; đầu tư xây dựng tuyến đê biển Tây, kết hợp với đường giao thông trên đê biển và hệ thống công, đập các cửa sông đê ngăn mặn. Chú trọng quản lý, sử dụng, khai thác tài nguyên hợp lý, có hiệu quả, đúng pháp luật.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về tài nguyên, môi trường, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chủ động hợp tác quốc tế trong việc phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, đảm bảo an ninh sinh thái, môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu,... đồng thời làm giảm thiểu các tác động bất lợi từ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với tài nguyên của tỉnh.

9. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, huy động các nguồn lực đa dạng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn

Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời chính sách đủ mạnh để khuyến khích việc ứng dụng khoa học công nghệ, huy động nguồn lực, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất; nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; đào tạo cán bộ kỹ thuật; thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; chế biến, bảo quản nông sản; dịch vụ nông nghiệp, nông thôn nhất là những vùng khó khăn, biên giới và hải đảo. Mở rộng các hình thức hợp tác công, tư trong phát triển sản xuất và xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, tăng nguồn vốn tín dụng và tạo điều kiện thuận lợi để người dân, hợp tác xã, trang trại và doanh nghiệp dễ tiếp cận vốn tín dụng.

a). Chính sách về đất đai:

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng đất. Rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng vùng sản xuất. Bảo vệ đất lúa nhưng cho phép thay đổi linh hoạt mục đích sử dụng giữa lúa và các cây trồng khác; hạn chế việc thu hồi đất nông nghiệp cho các mục đích khác.

- Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê mướn đất nông nghiệp, khuyến khích tích tụ tập trung ruộng đất; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện đất đai, lợi thế canh tác từng địa phương. Mỗi huyện chọn 1- 2 xã làm điểm dồn thửa, đổi ruộng để phục vụ sản xuất theo quy hoạch; hỗ trợ chi phí đo đạc, cấp, đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền, đổi thửa và hỗ trợ kinh phí để chỉnh trang đồng ruộng.

- Tập trung xử lý dứt điểm những tồn tại về đất đai của các nông lâm trường; kiên quyết thu hồi đất của các nông, lâm trường sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả. Ưu đãi và hỗ trợ đặc biệt để thu hút doanh nghiệp thuê đất lâu dài của hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp; tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân thông qua việc khuyến khích, hỗ trợ người dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất với doanh nghiệp. Quan tâm tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

b). Chính sách về tài chính, tiền tệ:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành các chính sách nhằm huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; xây dựng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2020- 2025; tăng cường các hình thức hợp tác công tư trong phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn. Huy động sự đóng góp của Nhân dân cho nhu cầu đầu tư phát triển, kể cả vốn và công lao động theo



phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm" để xây dựng, hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Tích cực vận động, thu hút các nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế, nhất là Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Thu hút các nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương, vốn Trái phiếu Chính phủ, phần đầu 5 năm sau thu hút nguồn lực đầu tư cao hơn 5 năm trước. Bố trí hợp lý cơ cấu nguồn lực đầu tư, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Cân đối nguồn vốn tín dụng đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; trọng tâm là tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ, các chương trình tín dụng đặc thù, tín dụng chính sách. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho người dân và doanh nghiệp; tiếp tục phối hợp thực hiện tốt kết nối ngân hàng- doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận tín dụng, đặc biệt là các doanh nghiệp, dự án ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Triển khai các sản phẩm dịch vụ tài chính mới phù hợp với khu vực nông thôn bao gồm dịch vụ thanh toán, chuyển tiền giá trị nhỏ, tiết kiệm, bảo hiểm, nhằm góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược tài chính toàn diện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tăng cường củng cố, chấn chỉnh, đảm bảo hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động an toàn, bền vững đúng mục tiêu.

c). Chính sách thương mại

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hiện có, nhằm huy động mọi nguồn lực, thành phần kinh tế đầu tư phát triển vào những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, địa bàn trọng điểm như: Nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biển, du lịch, công nghiệp chế biến, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, Châu Thành, Rạch Giá, Gò Quao,...

- Đẩy mạnh hỗ trợ triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy tiếp cận thị trường, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, mở rộng đầu ra cho nông sản hàng hóa. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu hàng hóa và chứng nhận chỉ dẫn địa lý đối với một số loại nông sản chủ lực của tỉnh. Tranh thủ các nguồn lực về vốn, khoa học công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo thông tin thị trường cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, đặc biệt là người dân để họ có định hướng, phương án sản xuất phù hợp. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức của doanh nghiệp, người dân về các chính sách thương mại quốc tế, đảm bảo chủ động trong hoạt động xuất, nhập khẩu hàng nông sản.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, phát triển hạ tầng thương mại (chợ nông thôn, chợ đầu mối, các khu giết mổ gia súc gia cầm tập trung và trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tiêu thụ nông thủy sản theo hệ



thống..) nhằm thúc đẩy tiêu thụ nội địa đối với hàng nông thủy sản hàng hóa là thế mạnh của tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại trong thương mại hàng nông, lâm, thủy sản.

d). Chính sách ưu đãi về thuế

Tập trung nghiên cứu áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi về giá cho thuê đất, thuế, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đổi đất lấy hạ tầng... để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

đ). Chính sách khuyến khích đầu tư

Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, của Trung ương, của tỉnh đã ban hành, nhất là: Hoàn chỉnh chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ); các nhiệm vụ và giải pháp Chính phủ giao tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững. Tiếp tục hoàn thiện và triển khai cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên đầu tư vào vùng khó khăn, biên giới, hải đảo

Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nhất là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; đối xử bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trước pháp luật; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các cơ chế, chính sách hấp dẫn, minh bạch, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp và Nhân dân về đầu tư, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, chuyên giao công nghệ - kỹ thuật mới, đào tạo nguồn nhân lực;... giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, tạo hành lang pháp lý tốt cho môi trường đầu tư.

10. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

a). Kiện toàn tổ chức, bộ máy ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, đảm bảo hiệu quả trước hết là các tổ chức bộ máy cán bộ công chức theo dõi nông nghiệp và Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp xã; tổ chức bộ máy khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý vật tư nông nghiệp và chất lượng nông, lâm, thủy sản. Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ ở cơ sở, trên địa bàn nông thôn. Quan tâm bố trí lãnh đạo cấp huyện, xã có chuyên môn về nông nghiệp; hình thành đội ngũ chuyên gia nông nghiệp tại các đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, huyện. Thu hút những cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đến làm việc tại các trạm, trại nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống, khu nông nghiệp công nghệ cao.

b). Nâng cao năng lực phòng, chống, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai bão lũ.

c). Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính nhà nước, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh, các thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, căn cứ nội dung, nhiệm vụ theo Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Kết luận số 54-KL/TW ngày 01/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7; Chương trình hành động của Tỉnh ủy và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động này để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế trên địa bàn, bổ sung, lồng ghép vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của đơn vị, địa phương:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp tình hình, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Bộ ngành Trung ương và Chính phủ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan, các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2025; chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch giai đoạn 2010- 2025 và chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 củ Chính phủ).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Đề án phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2025. Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách quy định, tạo điều kiện thuận lợi nhất trong bố trí nguồn lực và khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan đẩy mạnh vận động nguồn vốn của ngân sách Nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ; vốn ODA và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực nông nghiệp, nông thôn và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, công trình phục vụ phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng thương mại ở nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương rà soát, tổng hợp đề xuất dự án của các địa phương đề nghị hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban

nhân dân tỉnh xem xét trình Chính phủ hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn ngân sách Trung ương.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh cân đối, bố trí tăng cường nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung cơ chế, chính sách thuế, phí của tỉnh theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương triển khai bảo hiểm nông nghiệp (theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ); đề xuất chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân mua bảo hiểm nông nghiệp; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách bảo hiểm theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

4. Đề nghị Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh.

Tham mưu cho UBND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh việc cho vay vốn tín dụng phục vụ các chương trình nông nghiệp trọng điểm, xây dựng nông thôn mới; ưu tiên tập trung vốn và tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục vay vốn cho nông dân, các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các doanh nghiệp, dự án ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình cho vay qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

5. Sở Công Thương.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, đề xuất các chính sách thương mại; tổ chức đào tạo, tập huấn cho người dân và tổ chức kinh tế nâng cao nhận thức về chính sách thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm của tỉnh.

- Xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch và các giải pháp hỗ trợ tiêu thụ nông sản. Đề xuất các chính sách để khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm thủy sản theo hướng làm chủ công nghệ tiên tiến, gắn với thị trường tiêu thụ ổn định.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, phát triển hạ tầng thương mại (chợ nông thôn, chợ đầu mối, các khu giết mổ gia súc gia cầm tập trung và trung tâm thương mại, siêu thị; cửa hàng tiêu thụ nông thủy sản theo hệ thống..).

- Tăng cường công tác kiểm soát, xử lý nghiêm các hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại hàng hóa nông, lâm, thủy sản.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện tốt cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ địa phương hàng năm; đẩy mạnh và ưu tiên

triển khai các đề tài, dự án KH và CN cấp tỉnh và quốc gia về phát triển các sản phẩm địa phương, quốc gia; ứng dụng công nghệ cao, phát triển và đổi mới công nghệ và các nhiệm vụ KH và CN khác trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu với UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách để tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng KH-CN vào sản xuất nông nghiệp; xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nghiên cứu tham mưu cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Chủ trì hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX và các cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho nông sản, thực phẩm; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các nông sản, thực phẩm chủ lực của Tỉnh để nâng cao giá trị và tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan, các địa phương rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường. Thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực cho phát triển KH và CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương tăng cường quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất lúa). Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025 và lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2020-2025) cấp huyện phù hợp với Luật Đất đai năm 2013; trong đó thể hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đến từng xã;

- Chủ động tham mưu cho UBND tỉnh và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến ruộng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất đai trong nông nghiệp, tham mưu cho UBND tỉnh xử lý triệt để các vi phạm pháp luật về đất đai theo thẩm quyền, tham mưu thu hồi một số diện tích đất sử dụng không đúng mục đích, đất xâm lấn, tranh chấp đối với các nông, lâm trường; tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp và phát triển kinh tế trang trại, gia trại trên địa bàn.

- Xây dựng Đề án bảo vệ môi trường nông thôn giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

8. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn, củng cố nâng cao năng lực tổ chức bộ máy ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn: Bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp; tổ chức bộ máy cán bộ công chức theo dõi nông nghiệp và Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp xã; tổ chức bộ máy khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý vật tư nông nghiệp và chất lượng nông, lâm, thủy sản...



- Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã gắn với công tác xây dựng nông thôn mới.

9. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, các địa phương tham mưu, đề xuất về cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đầu tư xây dựng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, các địa phương triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững trên địa bàn; nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh; đánh giá hiệu quả của Chương trình đối với người nông dân, đặc biệt là ở các vùng khó khăn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của người sử dụng lao động, gắn đào tạo với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh...) và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan đề xuất chính sách phát triển hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn, chính sách bảo hiểm xã hội đối với nông dân.

11. Sở Y tế

- Chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện chính sách về bảo hiểm y tế, khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Huy động nguồn lực để hỗ trợ xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nâng cao tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

12. Sở Văn hóa và Thể thao

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao cấp xã, khu dân cư theo tiêu chí nông thôn mới. Đảm bảo đời sống văn hóa, tinh thần cho cộng đồng dân cư theo tiêu chí về văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các địa phương tổ chức tốt cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

13. Sở Thông tin và Truyền thông.

Chỉ đạo các cơ quan báo, đài đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW của Chính phủ và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; tập trung tuyên truyền những mô hình mới, các làm hay và các gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua.

14. Ban Dân tộc tỉnh



Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương nghiên cứu tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách cho vùng đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

- Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng tuyên truyền nội dung của Nghị quyết; cụ thể hóa thành các nội dung, chương trình hoạt động, khuyến khích các hội viên và các tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực, thiết thực, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào thi đua “Cả tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới”.

16. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh

- Chủ động nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020. Tuyên truyền vận động các hội viên tích cực tham gia phong trào thi đua “Cả tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới”.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương tổ chức có hiệu quả các hoạt động của Hội gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

17. Đề nghị các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội, tổ chức xã hội có liên quan.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, chủ động lựa chọn những nội dung thiết thực, phối hợp để tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chung sức xây dựng nông thôn mới.

18. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Căn cứ vào Kế hoạch này, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của địa phương với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; đồng thời bổ sung nội dung nhiệm vụ, giải pháp về tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm, giai đoạn 2020-2025 của địa phương để tập trung chỉ đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Có cơ chế chính sách phù hợp của địa phương, nhằm huy động tối đa các nguồn lực đồng thời quan tâm bố trí ngân sách địa phương phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát, kiện toàn, tổ chức bộ máy cán bộ công chức, quan tâm bố trí lãnh đạo có năng lực chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện, xã và cán bộ phụ trách nông nghiệp cấp xã; kiện toàn tổ chức Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 01/8/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HẸND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN);
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP, Phòng: KTCN, KTTH, VHXH, TH;
- Lưu: VT, tvhung.

